

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2026/DSST.

Ngày: 23-01-2026.

V/v: “*Kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiều Hmok.

2. Ông Nguyễn Văn Thức.

-Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2026 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân khu vực 8 mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 118/2025/TLST-DS ngày 28/10/2025, về việc “*Kiện đòi tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐST-DS ngày 15/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 06/01/2026 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Ngh, sinh năm 1950. Có mặt.

Số CCCD/CMND: 042050007671.

Địa chỉ: Buôn Druich, xã Cư P, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1967. Có mặt.

Số CCCD/CMND: 034167011247.

Địa chỉ: Buôn Druich, xã Cư P, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Buôn Druich, xã Cư P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên ngày 10/02/1999 ông Ngh cho bà C vay 08 chỉ vàng 97%, thoả thuận lãi suất 30.000 đồng/tháng/1chỉ, ngày 10/4/1999 bà C trả được 02 tháng tiền lãi là 480.000 đồng. Ngày 28/12/2006 bà C trả cho ông Ngh 3.360.000 đồng tương đương với 03 chỉ vàng.

Hiện bà C còn nợ ông Ngh 05 chỉ vàng, ông Ngh nhiều lần đòi nợ nhưng bà C không có thiện chí trả nợ, nay ông Ngh yêu cầu bà C phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngh 05 chỉ vàng còn nợ nói trên.

Về lãi suất: Tiền lãi suất ông Ngh yêu cầu tính lãi suất theo thoả thuận là 30.000 đồng/tháng/1chỉ tính từ ngày 10/4/1999.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Bà C thừa nhận vào ngày 10/02/1999 bà C ký giấy vay của ông Ngh 08 chỉ vàng 97%, thoả thuận lãi suất 30.000 đồng/tháng/1chỉ, ngày 10/4/1999 bà C trả được 02 tháng tiền lãi là 480.000 đồng. Ngày 28/12/2006 bà C trả cho con gái ông Ngh 33.600.000 đồng tương đương với 08 chỉ vàng (bà C không nhớ giá vàng lúc đó bao nhiêu). Hiện nay bà C không còn nợ nần gì ông Ngh.

Ngoài giấy ghi ngày 28/12/2006 có nội dung cháu H nhận số tiền cô C 3.3 triệu sáu, bà C không có tài liệu chứng cứ nào khác.

Về lãi suất: Do bà C trả hết nợ cho ông Ngh nên không đồng ý trả tiền lãi.

Người làm chứng bà H trình bày:

Bà H là con gái ông Ngh, ngày 28/12/2006 bà C đến trả nợ cho ông Ngh, nhưng ông Ngh không có ở nhà, nên bà H có nhận của bà C 3.360.000 đồng, khi nhận tiền bà H có viết giấy cho bà C có nội dung cháu H nhận số tiền cô C 3.3 triệu sáu. Ngoài ra bà H không nhận của bà C bất kỳ khoản tiền nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa thể hiện việc ông Ngh khởi kiện yêu cầu bà C trả cho ông Ngh 05 chỉ vàng còn lại là có căn cứ. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông Ngh về nợ gốc là cần chấp nhận. Đối với lãi suất, căn cứ vào giấy vay nợ và sự thừa nhận của các đương sự, ngày 10/02/1999 hai bên thoả thuận lãi suất 30.000đ/chỉ/tháng, không thoả thuận thời hạn trả nợ và bà C đã trả được 02 tháng tiền lãi. Tuy nhiên, lãi suất này không phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều

26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 105, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc ông Nguyễn Thanh Ngh khởi kiện bà Vũ Thị C tại Tòa án và Toà án thụ lý giải quyết về Tranh chấp đòi tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Ngày 10/02/1999 ông Ngh cho bà C vay 08 chỉ vàng 97%, thỏa thuận lãi suất 30.000 đồng/tháng/1chỉ, ngày 10/4/1999 bà C trả được 02 tháng tiền lãi là 480.000 đồng. Ngày 28/12/2006 bà C trả cho ông Ngh 3.360.000 đồng tương đương với 03 chỉ vàng. Nay ông Ngh yêu cầu bà C phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngh 05 chỉ vàng còn nợ nói trên.

Bà C cho rằng ngày 28/12/2006 bà C trả cho con gái ông Ngh 33.600.000 đồng tương đương với 08 chỉ vàng (bà C không nhớ giá vàng lúc đó bao nhiêu). Hiện nay bà C không còn nợ nần gì ông Ngh.

2.1. Việc bà C cho rằng ngày 28/12/2006 bà C trả cho con gái ông Ngh 33.600.000 đồng tương đương với 08 chỉ vàng. Nhận thấy, tại giấy đề ngày 28/12/2006 có nội dung “*cháu H nhận số tiền cô C 3.3 triệu sáu*”, thể hiện giữa hai con số 3 có dấu chấm, nhưng bà C cho rằng 33 triệu sáu là không có căn cứ. Vì giấy đề ngày 28/12/2006 bản gốc do bà C là người cất giữ, nên không thể nào nói phía ông Ngh thêm dấu chấm vào giữa hai con số 3, nên việc chị H khai nhận 3.3 triệu sáu (3.360.000 đồng) là phù hợp. Mặt khác, giá vàng tại thời điểm năm 2006 dao động từ 1.100.000 đồng đến 1.200.000 đồng/chỉ (3.360.000 đồng tương đương với 03 chỉ vàng). Như vậy việc bà C cho rằng đã trả 33.600.000 đồng tương đương với 08 chỉ vàng là không có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài giấy đề ngày 28/12/2006 để chứng minh, nên yêu cầu phản đối của bà C không được chấp nhận.

2.2, Như vậy, căn cứ vào giấy vay vàng đề ngày 10/02/1999 do ông Ngh cung cấp và giấy trả tiền đề ngày 28/12/2006 do bà C cung cấp, có đủ căn cứ khẳng định, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ bà C mới trả cho ông Ngh 03 chỉ vàng, hiện bà C còn nợ ông Ngh 05 chỉ vàng, nhưng bà C không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông Ngh là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại giấy vay vàng các bên thỏa thuận lãi suất 30.000 đồng/tháng/1chỉ. Nhận thấy, các bên thỏa thuận vay tài sản là vàng (tài sản là vật), nên

không tính lãi suất đối với tài sản vay là vật. Vì theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự chỉ quy định tính lãi đối với số tiền vay và theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định bên vay tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, nên yêu cầu tính lãi suất của ông Nghì không được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Ngh được chấp nhận, nên bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Giá vàng 97 tại thời điểm xét xử là 15.240.000 đồng/chỉ (15.240.000 đồng/chỉ x 05 chỉ) = 76.200.000 đồng.

Tiền án phí DSST là (76.200.000 đồng x 5%) = 3.810.000 đồng.

Ông Ngh thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 279; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Ngh.

1. Về khoản nợ: Buộc bà Vũ Thị C trả cho ông Nguyễn Thanh Ngh 05 chỉ (năm chỉ) vàng 97%.

2. Về lãi suất: Bác yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Thanh Ngh.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà C phải chịu 3.810.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản bản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ